TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 16-01-2026
V/v: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - LÂM ĐỒNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Mận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thông Phi;

2. Bà Trần Thị Minh Tâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa*:** Bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026 tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân khu vực 16 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2025/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2025, về việc: "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số 46/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Kiều N, sinh năm 1973; nơi cư trú: xóm D, thôn Đ, xã B, tỉnh Lâm Đồng;

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đăng K, sinh năm 1966; nơi cư trú: xóm D, thôn Đ, xã B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bà N vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; ông K vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện, lời khai của đương sự trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị Kiều N trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Bà Hồ Thị Kiều N và ông Nguyễn Đăng K tự nguyện kết hôn vào năm 1994 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay là UBND xã Đ, tỉnh Lâm Đồng). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau nhưng thời gian về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, không có sự thấu hiểu nhau nhiều vấn đề trong cuộc sống; mâu thuẫn đã kéo dài trong nhiều năm dẫn đến bà N ông K đã sống ly thân với nhau được 02 năm; mỗi người sinh sống một nơi; trong thời gian sống ly thân, bà N và ông K không còn quan tâm, chăm sóc gì nhau, chỉ thỉnh thoảng liên lạc với nhau về con cháu, ngoài ra không còn yêu thương gì nhau. Bà N xác định không còn tình cảm với ông Nguyễn Đăng K và cương quyết được ly hôn nên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Đăng K.

- Về con chung: Bà N và ông Nguyễn Đăng K có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Hoài P, sinh năm 1994 và Nguyễn Thị Kiều A, sinh năm 1997; hiện các con đã thành niên và đều có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hồ Thị Kiều N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Bị đơn – ông Nguyễn Đăng K: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh thể hiện ông Nguyễn Đăng K có hộ khẩu thường trú tại xóm D, thôn T, xã B, tỉnh Lâm Đồng. Mặc dù đã được Tòa án tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông K vẫn không đến Tòa án để trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng giải quyết vụ án theo yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Kiều N. Do đó, không có lời khai của ông Nguyễn Đăng K trong hồ sơ vụ án.

[3]. Những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Bà Hồ Thị Kiều N cung cấp các tài liệu, chứng cứ sau: 01 bản sao căn cước công dân mang tên Hồ Thị Kiều N, 01 bản photo căn cước công dân mang tên Nguyễn Đăng K; 01 bản sao trích lục kết hôn; 02 bản sao giấy khai sinh con.

- Ông Nguyễn Đăng K không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành lấy lời khai đương sự; xác minh về tình trạng quan hệ hôn nhân và sự thường sự của bị đơn tại địa phương; biên bản không tiến hành hòa giải được.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Lâm Đồng phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa xét xử sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình tuân thủ theo đúng quy định của BLTTDS; bị đơn không chấp hành. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 tiến hành xét xử là phù hợp.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39 và các Điều 146, 147, 203, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

- Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Hồ Thị Kiều N được ly hôn với ông Nguyễn Đăng K.

Về án phí: Bà Hồ Thị Kiều N phải nộp 300.000 phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Trong giai đoạn giải quyết vụ án, nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Lâm Đồng đề nghị xem xét xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

[2]. Về quan hệ pháp luật trong vụ án:

Nguyên đơn bà Hồ Thị Kiều N yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn. Ngoài ra, đương sự trong vụ án không có yêu cầu nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là "*Ly hôn*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn có nơi cư trú tại xã B, tỉnh Lâm Đồng. Cho nên, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 - Lâm Đồng theo quy định khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 Nghị quyết thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Kiều N và ông Nguyễn Đăng K tự nguyện kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng) vào năm 1994 theo giấy chứng nhận kết hôn số 67, ngày 30/12/1994.

Quá trình chung sống, bà N cho rằng cuộc sống vợ chồng không còn có tiếng nói chung dẫn đến phát sinh nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hiện đã ly thân và ít liên lạc, quan tâm đến cuộc sống của nhau; bà N xác định không còn tình cảm và yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Đăng K.

Tại biên bản xác minh thể hiện: Bà N và ông K hiện sinh sống tại địa phương khoảng 02 năm gần đây, còn trước đây thì sinh sống tại xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Về nguyên nhân mâu thuẫn tại thời điểm sinh sống tại địa phương thì địa phương không rõ nhưng có thông tin trước đây là do ông K gây ra nợ nần nhiều.

Xét thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa bà N ông K xảy ra mâu thuẫn kéo dài trong nhiều năm, tình trạng mâu thuẫn không được khắc phục nên dẫn đến bà N, ông K không còn chung sống với nhau và hiện đã ly thân khoảng 02 năm; thời gian sống ly thân, bà N ông K không còn liên lạc, quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau trong đời sống dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, bà N cương quyết yêu cầu được ly hôn. Điều đó thể hiện cuộc sống hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cuộc sống hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà N là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận. Theo đó, cần xử cho bà Hồ Thị Kiều N1 được ly hôn với ông Nguyễn Đăng K.

Về con chung: Các con chung của bà Hồ Thị Kiều N, ông Nguyễn Đăng K đã thành niên và đủ khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5].Về án phí: Bà Hồ Thị Kiều N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 28; khoản 1 Điều 39; các Điều 146, 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án;

- Khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 Nghị quyết thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực;

- Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Kiều N:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Hồ Thị Kiều N được ly hôn với ông Nguyễn Đăng K.

- *Về án phí:* Bà Hồ Thị Kiều N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo biên lai số 0004608, ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Bà Hồ Thị Kiều N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 16 – Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã Đồng Kho (thay cho thông báo);
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Mận